

PHỤ LỤC 01:
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 44 NĂM 2025
(Từ ngày 29/10 đến hết ngày 04/11/2025)

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	61	0	8	0	0	0	97	1
2	Chư Prông	<i>a</i>	40	0	3	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	480	0	34	0	0	0	379	0
3	Chư Puh	<i>a</i>	11	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	99	0	11	0	0	0	167	0
4	Chư Sê	<i>a</i>	14	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	230	0	28	0	0	0	756	0
5	Đăk Đoa	<i>a</i>	9	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	171	0	21	0	0	0	464	0
6	Đăk Pơ	<i>a</i>	2	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	12	0	7	0	0	0	44	0
7	Đức Cơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	6	0	10	0	0	0	98	0
8	Ia Grai	<i>a</i>	4	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	103	0	12	0	0	0	111	0
9	Ia Pa	<i>a</i>	9	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	46	0	3	0	0	0	120	0
10	Kbang	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	23	0	16	0	0	0	140	0
11	Kông Chro	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	16	0	5	0	0	0	29	0
12	Krông Pa	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	63	0	7	0	0	0	321	0
13	Mang Yang	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	24	0	8	0	0	0	95	0
14	Phú Thiện	<i>a</i>	23	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	271	0	9	0	0	0	303	0
15	Pleiku	<i>a</i>	11	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	490	0	61	0	0	0	328	0
16	An Khê	<i>a</i>	2	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	41	0	33	0	0	0	7	0
17	Đăk Pơ	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
17	Quy Nhơn	b	45	0	7	0	0	0	53	0
18	Quy Nhơn	a	14	0	3	0	0	0	0	0
		b	174	0	98	0	0	0	263	0
19	Tuy Phước	a	4	0	2	0	0	0	0	0
		b	148	0	79	0	0	0	50	0
20	An Nhơn	a	13	0	5	0	0	0	0	0
		b	197	0	65	0	0	0	47	0
21	Phù Cát	a	4	0	3	0	0	0	0	0
		b	93	0	32	0	0	0	50	0
22	Phù Mỹ	a	6	0	2	0	0	0	0	0
		b	169	0	33	0	0	0	31	0
23	Hoài Nhơn	a	17	0	1	0	0	0	0	0
		b	243	0	66	0	0	0	10	0
24	Hoài Ân	a	6	0	0	0	0	0	0	0
		b	79	0	30	0	0	0	20	0
25	Tây Sơn	a	7	0	0	0	0	0	0	0
		b	126	0	38	0	0	0	25	0
26	Vân Canh	a	0	0	1	0	0	0	0	0
		b	17	0	40	0	0	0	3	0
27	An Lão	a	3	0	0	0	0	0	0	0
		b	49	0	4	0	0	0	1	0
28	Vĩnh Thạnh	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	46	0	11	0	0	0	36	0
	Ngoại lai	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	86	0
	Toàn tỉnh	a	213	0	22	0	0	0	0	0
		b	3522	0	776	0	0	0	4134	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 02:

TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 44 NĂM 2025

(Từ ngày 29/10 đến hết ngày 04/11/2025)

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhơn
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	74.337	8.416	4.953	246	257	929	1.455	4	2.376	3.821
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	61.704	6.455	4.457	192	102	794	608	4	2.234	3.656
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	5.054	270	544	246	-	-	-	205	232	45
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	13.522	1.364	788	-	4	35	132	623	360	765
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	21.544	2.517	1.783	127	126	180	1.296	1	929	1.382
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	2.283	94	123	-	1	-	16	27	62	187
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		396	91	84	-	1	-	14	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1.886	2	39	-	-	-	2	27	62	187
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	11.975	1.971	827	473	81	69	343	416	395	577
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	11.161	1.903	797	448	77	63	225	400	391	551
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	1.071	232	20	473	-	37	-	10	43	30
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	2.677	381	191	1	1	1	-	100	62	219
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	4.406	1.539	229	231	49	12	258	98	137	161
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	533	85	41	1	11	3	3	7	8	40
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		134	60	15		6	-	3	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	381	7	26	1	5	3	-	7	8	40
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	67.837	13.785	4.182	3.784	713	1.123	339	2	1.319	2.920
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	10.934	1.971	788	245	91	57	289	443	220	557
6.1	Số điều trị khỏi	"	4.656	866	498	-	7	-	261	180	56	314
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	5.358	906	240	217	68	54	25	241	156	203
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	444	156	19	27	4	-	-	15	-	23
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	352	41	31	1	12	3	3	7	8	17
6.5	Số tử vong	"	9	2	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	37.400	5.983	4.003	93	175	874	1.096	3	2.120	2.751
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	1.245	150	30	24	-	14	1	9	-	5
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	252.762	29.915	24.018	574	1.225	24.472	5.480	42	25.674	30.659
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	12.601	3.611	180	209	-	392	5	101	-	50
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	265.592	150.401	7.393	217	854	488	585	7	1.788	4.070
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	167.159	122.118	4.639	298	583	484	585	3	571	1.716
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	14.486	1.711	1.222	31	244	27	41	910	517	458
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.558	1.213	422	20	87	24	8	183	82	104
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	2.590	1.009	278	-	16	-	-	50	-	32
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1.525	783	178	-	16	-	-	34	-	31
12	Tổng số siêu âm	Lượt	19.723	2.652	1.084	17	23	16	178	791	251	664
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	6.180	1.787	441	13	21	16	166	224	48	238
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	6.846	1.099	519	48	13	146	-	376	107	299
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	3.541	850	306	45	9	109	-	128	57	197

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân (*)	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh (*)	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình	Bình Định	Thu Phúc
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	220	180	160	180	250	60	60	130	90	335	55
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	3.179	2.450		1.525	2.058		505	1.267	1.848	3.567	594
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	2.901	2.006		1.493	1.916		472	1.168	1.807	2.253	567
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	171	117		80	198		11	8	94	23	8
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	432	323		265	201		123	187	126	890	42
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	1.217	889		572	850		132	309	521	406	166
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	85	187		73	77		37	58	37	9	8
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-		-	-		-	-	-	-	
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	85	187		73	77		37	58	37	9	8
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	374	261		251	483		84	164	48	392	6
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	363	244		246	471		82	161	46	354	6
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	41	14		28	16		1	5	3	-	
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	115	62		11	39		20	64	-	155	2
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	149	93		93	184		19	60	19	52	1
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	26	60		20	30		6	19	-	17	
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-		-	-		-	-	-	-	
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	26	60		20	30		6	19	-	17	
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	1.812	1.705		985	1.492		171	985	465	1.702	13
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	341	249		104	259		58	176	71	389	3
6.1	Số điều trị khỏi	"	180	112		53	125		30	44	23	174	1
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	131	70		34	100		22	113	47	205	2
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	4	9		8	2		6	4	1	9	-
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	26	58		9	31		-	15	-	1	
6.5	Số tử vong	"	-	-		-	1		-	-	-	-	
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-		-	1		-	-	-	-	
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	2.589	2.189		10	1.660		364	1.026	1.763	2.441	580
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	29	-		10	21		5	3	144	20	8
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	33.783	10.945		53	8.300		3.993	33	510	27.771	7.648
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	122	-		53	200		17	3	144	66	40
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.617	3.589		2.746	925		355	1.005	4.931	12.569	2.473
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	720	848		923	359		118	410	588	3.724	21
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	379	123		325	249		37	73	563	852	84
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	11	29		65	95		4	26	58	160	
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-		-	16		-	-	8	226	8
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	-		-	2		-	-	2	53	
12	Tổng số siêu âm	Lượt	369	234		354	168		69	129	452	1.952	173
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	139	85		105	51		13	45	39	381	2
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	307	247		171	137		11	51	152	579	54
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	173	116		95	52		5	24	47	144	1

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Mắt SG- Quy Nhơn	BVĐK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao&B P Pleiku	Tâm TK Pleiku	BV 331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Pưh	Chư Sê
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	21	1.000	350	130	70	80	120	75	65	50	130
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	450	4.258	1.361	130	50	583	672	525	661	553	1.719
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	391	3.892	1.001	123	38	550	622	504	522	501	1.629
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	-	115	-	130	-	-	106	40	186	-	214
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	51	113	1.331	1	-	27	97	109	97	116	300
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	207	1.667	-	76	19	86	183	143	276	124	519
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	-	116	14	1	1	1	10	20	33	44	84
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	110	14	-	1	1	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	-	6	-	1	-	-	10	20	33	44	84
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	85	733	432	40	39	23	77	72	58	68	181
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	85	633	380	40	37	19	72	68	53	62	167
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	-	12	-	40	-	-	-	3	6	-	2
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	-	16	418	1	-	1	15	22	23	6	22
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	57	246	-	27	19	2	40	12	10	12	48
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	-	25	4	1	1	-	5	1	1	8	13
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	18	4	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	-	7	-	1	1	-	5	1	1	8	13
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	85	10.188	2.831	1.000	301	56	787	475	476	206	873
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	85	915	416	69	32	8	128	75	66	48	213
6.1	Số điều trị khỏi	"	85	28	303	1	-	-	2	38	57	-	58
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	-	799	102	65	30	7		32	9	41	140
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	-	62	9	2	-	1	2	4	-	2	6
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	-	25	1	1	2	-	3	1	-	5	9
6.5	Số tử vong	"	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	365	1.556	-	90	12	559	595	5	7	-	19
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	181	-	6	-	-	50	5	7	-	19
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	365	6.160	-	100	159	-	695	43	-	-	270
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	4.785	-	100	-	-	110	43	-	-	270
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	234	11.985	2.539	113		35	819	205	439	731	1.326
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	234	9.269	2.077	113		26	256	90	124	99	682
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	-	818	356	30	38	-	202	82	53	148	156
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	525	258	30	27	-	46	29	5	21	44
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	303	29	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	253	21	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	7	1.061	293	6	5	-	181	100	66	128	271
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	7	673	126	6	5	-	42	33	8	18	37
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	26	785	6	19	22	-	36	3	7	-	60
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	26	614	2	19		-	9	1	3	-	24

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Đak Đoa	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro (*)	Krông Pa	Mang Yang	Phú Thiện (*)	TX An Khê	TX Ayun Pa
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	105	50	90	70	65	110	65	95	75	85	160	180
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	835	403	942	690	555	751		1.718	589		1.584	1.222
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	794	388	894	612	492	751		1.469	482		1.550	1.094
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	126	14	261	219	99	73		530	2		45	47
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	160	113	196	110	126	166		515	165		317	314
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	214	100	198	186	113	216		256	195		170	261
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	110	15	109	73	16	60		141	90		29	15
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-		57	-		-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	110	15	109	73	16	60		84	90		29	15
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	103	126	91	78	86	187		169	75		302	315
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	93	126	88	72	86	183		162	74		283	293
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	10	2	2	1	-	3		12	-		-	13
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	12	20	38	32	35	81		69	26		90	21
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	26	10	13	15	12	25		22	9		66	62
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	9	-	13	1	3	2		19	4		15	5
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-		14	-		-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	9	-	13	1	3	2		5	4		15	5
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	618	415	356	415	294	867		639	411		422	1.337
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	94	70	92	76	59	146		160	75		145	264
6.1	Số điều trị khỏi	"	68	68	86	66	34	115		130	57		93	65
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	14	2	5	8	22	29		12	14		30	189
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	9	-	1	1	3	-		1	2		12	11
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	3	-	-	-	-	5		17	2		6	3
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	1	-	-		-	-		-	4
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-	1	-	-		-	-		-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	5	9	18	1	11	16		1.141	15		6	104
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	5	9	18	1	11	16		5	15		6	38
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	47	18	157	14	122	155		5.705	56		33	104
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	47	18	157	1	11	16		-	57		4	38
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	674	290	740	210	-	524		955	397		1.181	957
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	124	136	191	87	-	160		243	120		613	410
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	134	69	77	65	102	178		153	74		257	145
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	20	10	9	15	14	58		9	17		74	30
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-	-		-	-		39	15
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	-	-	-	-	-		-	-		20	3
12	Tổng số siêu âm	Lượt	111	63	123	52	109	156		270	74		291	221
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	17	16	19	9	18	72		45	31		107	76
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	5	12	7	1	-	17		6	5		53	22
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1	-	6	1	-	11		6	1		27	22

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG-GL (*)	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	3.119	4.978	4.455	874		196	314	700
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	2.568	2.053	3.879	638		196	307	679
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	462	-	133	-		-	-	-
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	152	948	888	188		5	77	180
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	1.038	801	587	198		30	96	182
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	151	20	10	2		5	9	23
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	15	6	2		-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	151	5	4	-		5	9	23
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	92	539	526	49		17	79	118
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	84	462	471	40		17	76	107
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	4	-	8	-		-	-	-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	9	80	145	1		2	35	33
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	19	119	94	16		4	17	20
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	2	11	8	-		-	1	4
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	8	6	-		-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2	3	2	-		-	1	4
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	550	3.006	2.746	160		80	297	449
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	105	535	525	54		14	44	110
6.1	Số điều trị khỏi	"	83	1	249	31		-	-	14
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	20	524	265	23		13	43	86
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	1	9	7	-		1	1	10
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	1	1	4	-		-	-	-
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	-		-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-	-		-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	2.509	254	383	-		-	-	-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	66	139	175	-		-	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	1.440	1.641	383	-		-	-	-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	1.440	136	175	-		-	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.254	15.647	26.683	316		157	203	965
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	416	4.092	8.203	316		10	57	303
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	272	1.284	1.773	-		-	40	134
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	33	195	460	-		-	12	26
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	139	422	-		-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	19	110	-		-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	161	2.581	3.493	112		18	59	135
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	31	342	539	24		-	14	51
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	19	454	912	44		-	-	9
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	9	61	290	44		-	-	6

(*): Đơn vị không báo cáo